

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 51

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 1 tháng 12 năm 2000, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2017, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh Doanh Địa ốc Hòa Bình trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 235 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch	
Ông Ignatius Joe Budiman	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Ngọc Thạnh	Thành viên	
Ông Trương Quang Nhật	Thành viên	
Ông Lê Quốc Duy	Thành viên	
Ông Hà Vũ Hoàng	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2017
Ông Trần Sĩ Chương	Thành viên	
Ông Phan Văn Trường	Thành viên	
Ông Phương Công Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

BAN CỐ VẤN

Các thành viên Ban Cố vấn trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Viết Hưng	Thành viên
Ông Phạm Minh Chí	Thành viên
Ông Satoru Matsuda	Thành viên
Ông Đặng Đình Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Lâm Quỳnh Trâm	Trưởng Ban Kiểm soát	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Tùng Thiện	Trưởng Ban Kiểm soát	từ nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	
Bà Cao Thị Diễm Châu	Thành viên	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Viết Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trí Gia Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Viết Hải.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 5.2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Việt Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60933601/19357008/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình) (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.722.416.617.249	8.736.976.636.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	263.041.429.763	199.989.957.221
111	1. Tiền		260.764.847.703	199.989.957.221
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.276.582.060	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		876.898.757.500	1.069.763.582.060
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	876.898.757.500	1.069.763.582.060
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.367.865.102.461	6.441.297.864.313
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.632.967.725.818	2.002.116.589.349
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	685.172.693.186	974.768.658.377
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	8	4.588.719.643.049	3.084.463.006.220
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	661.871.999.271	504.876.667.522
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	10	111.636.835.460	137.607.349.372
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9, 10	(312.503.794.323)	(262.534.406.527)
140	IV. Hàng tồn kho	12	1.150.987.564.216	920.175.378.313
141	1. Hàng tồn kho		1.152.313.018.897	921.500.832.994
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.325.454.681)	(1.325.454.681)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		63.623.763.309	105.749.854.728
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	63.623.763.309	105.255.919.915
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	493.934.813
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.874.535.407.775	1.584.312.794.387
210	I. Phải thu dài hạn		2.885.136.349	2.609.327.393
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	2.885.136.349	2.609.327.393
220	II. Tài sản cố định		1.202.096.548.437	1.043.968.369.711
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.159.748.043.443	1.000.928.866.827
222	Nguyên giá		1.727.354.081.694	1.497.130.849.516
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(567.606.038.251)	(496.201.982.689)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	42.348.504.994	43.039.502.884
228	Nguyên giá		49.153.102.281	49.153.102.281
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.804.597.287)	(6.113.599.397)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		23.892.098.196	18.790.424.403
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	23.892.098.196	18.790.424.403
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		436.282.284.896	415.029.226.314
251	1. Đầu tư vào các công ty con	5.2	525.071.259.782	524.595.142.575
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết	5.2	86.080.020.000	75.440.020.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	5.2	39.227.400.000	39.227.400.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.2	(214.096.394.886)	(224.233.336.261)
260	V. Tài sản dài hạn khác		209.379.339.897	103.915.446.566
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	204.989.309.063	99.996.052.399
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	4.390.030.834	3.919.394.167
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.596.952.025.024	10.321.289.431.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.735.184.034.400	8.693.447.811.453
310	I. Nợ ngắn hạn		9.042.819.544.262	8.162.481.452.898
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.989.294.050.500	2.018.765.608.423
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.825.676.725.128	2.271.902.170.487
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	86.535.613.544	73.316.779.409
314	4. Phải trả người lao động	19	289.494.462.748	316.437.094.604
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.468.789.194.260	1.018.461.497.041
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	123.213.292.428	3.753.209.324
320	7. Vay ngắn hạn	22	3.225.248.523.227	2.457.782.584.139
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	34.567.682.427	2.062.509.471
330	II. Nợ dài hạn		692.364.490.138	530.966.358.555
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	18	191.352.727.274	98.848.554.585
337	2. Phải trả dài hạn khác		26.359.949.011	-
338	3. Vay dài hạn	22	342.292.209.338	325.391.938.446
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	24	132.359.604.515	106.725.865.524
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.861.767.990.624	1.627.841.619.569
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.861.767.990.624	1.627.841.619.569
411	1. Vốn cổ phần		1.288.507.570.000	954.464.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.288.507.570.000	954.464.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.494.112.981	30.494.112.981
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.548.441.157	94.548.441.157
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		448.217.866.486	548.334.495.431
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		79.162.071.856	68.782.578.778
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		369.055.794.630	479.551.916.653
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.596.952.025.024	10.321.289.431.022

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Phạm Hữu Toàn
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng

Lê Viết Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	6.871.378.617.185	4.058.674.668.308
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(4.506.606.803)	(20.187.625.943)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	6.866.872.010.382	4.038.487.042.365
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(6.168.624.615.790)	(3.740.149.475.166)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		698.247.394.592	298.337.567.199
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	71.147.767.072	84.215.115.674
22	7. Chi phí tài chính	28	(86.894.693.129)	(80.217.428.382)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(96.207.694.011)	(61.471.395.372)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(175.625.186.346)	(140.920.877.774)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		506.875.282.189	161.414.376.717
31	10. Thu nhập khác	30	4.967.170.598	8.556.065.691
32	11. Chi phí khác	30	-	(3.100.544.732)
40	12. Lợi nhuận khác	30	4.967.170.598	5.455.520.959
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		511.842.452.787	166.869.897.676
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(102.794.110.008)	(26.183.475.530)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	470.636.667	156.086.668
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		409.518.979.446	140.842.508.814



Phạm Hữu Toàn
Người lập



Nguyễn Thị Nguyễn Thủy
Kế toán trưởng




Lê Viết Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		511.842.452.787	166.869.897.676
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	14, 15	96.706.547.852	69.031.788.316
03	Các khoản dự phòng		66.943.840.015	91.162.219.500
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.256.163)	(205.223.539)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(65.727.128.671)	(81.685.500.888)
06	Chi phí lãi vay	28	96.207.694.011	61.471.395.372
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		705.964.149.831	306.644.576.437
09	Tăng các khoản phải thu		(866.565.966.490)	(1.221.383.236.988)
10	Tăng hàng tồn kho		(230.812.185.903)	(235.878.058.712)
11	Tăng các khoản phải trả		75.469.473.655	1.646.221.370.003
12	Tăng chi phí trả trước		(63.361.100.058)	(9.721.693.547)
14	Tiền lãi vay đã trả		(93.587.569.598)	(59.657.710.386)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(67.565.564.821)	(27.130.013.649)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	713.284.243
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.958.011.860)	(7.880.704.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(548.416.775.244)	391.927.812.786
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(266.162.005.824)	(215.528.508.631)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		8.489.398.983	1.304.172.627
23	Tiền gửi tiết kiệm, chi cho vay		(71.591.362.369)	(438.085.170.691)
24	Tiền thu hồi cho vay		77.154.157.285	37.699.020.497
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.395.000.000)	(113.012.397.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		85.609.600.371)	103.966.140.183
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(172.895.211.554)	(623.656.743.015)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.455.442.984.627	2.520.226.270.782
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.671.076.774.647)	(2.115.700.077.618)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(872.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		784.365.337.980	404.526.193.164

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		63.053.351.182	172.797.262.935
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		199.989.957.221	109.497.905.103
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.878.640)	18.743.590
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	263.041.429.763	282.313.911.628



Phạm Hữu Toàn
Người lập



Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng




Lê Viết Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

0215
ÔNG
CỔ PH
ÀN X
ÒA E
T.P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (“Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 1 tháng 12 năm 2000, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2017, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh Doanh Địa ốc Hòa Bình trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 235 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 6.331 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.401).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 5.2.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đề ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại, và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí xây dựng chung có liên quan.
- Hàng hóa bất động sản để bán - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, và hàng hóa bất động sản để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 16 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ sử dụng cho việc xây dựng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong khoảng thời gian từ 3 đến 36 tháng theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập với tỷ lệ 0,5% doanh thu phát sinh trong kỳ.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản được ghi nhận khi các rủi ro và các quyền sở hữu hàng hóa bất động sản đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	57.315.144	38.505.149
Tiền gửi ngân hàng	260.707.532.559	199.951.452.072
Các khoản tương đương tiền (*)	2.276.582.060	-
TỔNG CỘNG	263.041.429.763	199.989.957.221

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại một ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

Tiền gửi ngân hàng trị giá 260.707.532.559 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại một ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 22.1*).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	876.898.757.500	1.069.763.582.060
TỔNG CỘNG	876.898.757.500	1.069.763.582.060

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên ba (3) đến bảy (7) tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 5.2.1)	525.071.259.782	524.595.142.575
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 5.2.2)	86.080.020.000	75.440.020.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 5.2.3)	39.227.400.000	39.227.400.000
TỔNG CỘNG	650.378.679.782	639.262.562.575
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(214.096.394.886)	(224.233.336.261)
Trong đó:		
Đầu tư vào các công ty con	(209.987.052.069)	(205.272.861.076)
Đầu tư vào các công ty liên kết	-	(15.804.404.946)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(4.109.342.817)	(3.156.070.239)
ĐẦU TƯ THUẬN	436.282.284.896	415.029.226.314

58
IG
PH
AN
JA
T.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Đầu tư và xây dựng khu công nghiệp	Đang hoạt động	97,87	188.833.939.051	97,87	188.833.939.051
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Kinh doanh phát triển các dự án bất động sản	Đang hoạt động	99,85	134.800.000.000	99,85	134.800.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; trang trí nội thất và kinh doanh bất động sản	Ngừng hoạt động	100,00	65.000.000.000	100,00	65.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Sản xuất, mua bán, gia công và lắp đặt hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất	Đang hoạt động	99,14	63.765.000.000	98,96	52.450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Đầu tư các dự án xây dựng công trình giao thông	Đang hoạt động	99,55	39.818.014.280	99,55	40.096.897.073
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Cho thuê máy móc cơ điện và thiết bị xây dựng	Đang hoạt động	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Ta	Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; xúc tiến thương mại, đại lý ký gửi hàng hóa; dịch vụ quảng cáo; lắp đặt và gia công hàng trang trí nội thất	Đang hoạt động	58,20	8.551.000.000	58,20	8.551.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ trang trí nội thất	Đang hoạt động	100,00	6.800.000.000	100,00	6.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Đầu tư vào Khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp Le Royal An Nam	Ngừng hoạt động	95,84	5.700.000.000	95,84	5.700.000.000
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Thiết kế, xây dựng và cung cấp dịch vụ giám định kỹ thuật, quản lý xây dựng và quản lý dự án	Trước hoạt động	100,00	1.066.500.000	100,00	1.066.500.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Tư vấn xây dựng, khảo sát công trình, thiết kế kiến trúc công trình	Đang hoạt động	74,67	736.806.451	74,67	736.806.451
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhóm Kinh Anh Việt ("AVA") (trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy)	Trang trí nội thất; sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm); san lấp mặt bằng; và mua bán vật tư xây dựng	Đang hoạt động	-	-	95,45	10.560.000.000
TỔNG CỘNG				525.071.259.782		524.595.142.575
Dự phòng đầu tư vào các công ty con				(209.987.052.069)		(205.272.861.076)
ĐẦU TƯ THUẬN				315.084.207.713		319.322.281.499

(i) Vào ngày 10 tháng 4 năm 2017, AVA đã phát hành thêm 1.150.000 cổ phiếu mới với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn thêm 11.500.000.000 VND. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AVA giảm còn 46,93% và AVA từ công ty con trở thành công ty liên kết (Thuyết minh số 5.2.2).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Môi giới, tư vấn đầu tư và tự doanh chứng khoán	Đang hoạt động	42,53	40.677.500.000	42,38	40.597.500.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Thi công lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm lạnh	Đang hoạt động	47,82	34.842.520.000	47,82	34.842.520.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Trang trí nội thất; sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm); san lấp mặt bằng; và mua bán vật tư xây dựng	Đang hoạt động	46,93	10.560.000.000	-	-
TỔNG CỘNG				86.080.020.000		75.440.020.000
Dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết				-		(15.804.404.946)
ĐẦU TƯ THUẬN				86.080.020.000		59.635.615.054

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào công ty liên kết:

Số đầu kỳ	Dự phòng trích lập trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	Số cuối kỳ
(15.804.404.946)	-	15.804.404.946	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam (i)	21.405.000.000	-	21.405.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn – Rạch Giá (ii)	13.637.400.000	(4.109.342.817)	13.637.400.000	(3.156.070.239)
Công ty Cổ phần Jesco Asia (iii)	4.185.000.000	-	4.185.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>39.227.400.000</u>	<u>(4.109.342.817)</u>	<u>39.227.400.000</u>	<u>(3.156.070.239)</u>

- (i) Đây là khoản đầu tư 10% vốn điều lệ của Công ty vào Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình theo Hợp đồng Nguyên tắc số 02/HDNT/DLHB-HBG ngày 25 tháng 12 năm 2010.
- (ii) Đây là giá trị khoản đầu tư 10,24% vốn điều lệ, tương đương 1.363.740 cổ phiếu, của Công ty vào Công ty cổ phần Sài Gòn – Rạch Giá theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ ba số 1700547079 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 2 năm 2017.
- (iii) Đây là khoản đầu tư 6,15% vốn điều lệ của Công ty vào Công ty Cổ phần Jesco Asia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ ba số 411032000117 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu bên khác	1.592.654.228.859	1.969.731.049.837
Công ty Cổ phần Bất động sản Mỹ	160.914.127.455	118.699.167.467
Khác	1.431.740.101.404	1.851.031.882.370
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	40.313.496.959	32.385.539.512
TỔNG CỘNG	<u>1.632.967.725.818</u>	<u>2.002.116.589.349</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.895.181.292)	(53.401.178.126)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.581.072.544.526</u>	<u>1.948.715.411.223</u>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(53.401.178.126)	(44.803.673.036)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(3.551.941.504)	(2.835.226.764)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	5.057.938.338	2.269.685.324
Số cuối kỳ	<u>(51.895.181.292)</u>	<u>(45.369.214.476)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho bên khác	563.939.103.267	821.590.378.305
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	121.233.589.919	153.178.280.072
TỔNG CỘNG	685.172.693.186	974.768.658.377
Dự phòng trả trước khó đòi	(525.000.000)	(525.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>684.647.693.186</u>	<u>974.243.658.377</u>

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu bên khác	4.554.415.158.874	2.991.671.826.255
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	34.304.484.175	92.791.179.965
TỔNG CỘNG	4.588.719.643.049	3.084.463.006.220
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(233.873.926.009)	(182.022.507.804)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.354.845.717.040</u>	<u>2.902.440.498.416</u>

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(182.022.507.804)	(91.258.078.186)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(72.178.246.031)	(55.286.338.851)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	20.326.827.826	15.859.771.702
Số cuối kỳ	<u>(233.873.926.009)</u>	<u>(130.684.645.335)</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 32)	626.139.055.645	471.971.035.723
Cho bên khác vay	35.732.943.626	32.905.631.799
TỔNG CỘNG	661.871.999.271	504.876.667.522
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(300.000.000)	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>661.571.999.271</u>	<u>504.576.667.522</u>

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

15.
ONG
O PI
CÁN
JA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Lãi phải thu từ các bên khác	25.094.611.043	22.544.383.053
Lãi ngân hàng	24.164.557.810	18.614.067.888
Phải thu từ nhân viên	14.273.218.427	13.900.702.225
Tạm ứng cho nhân viên	10.419.102.017	10.932.623.691
Các khoản ký quỹ	6.835.147.141	8.236.572.935
Cổ tức phải thu	-	44.037.500.000
Khác	30.850.199.022	19.341.499.580
TỔNG CỘNG	<u>111.636.835.460</u>	<u>137.607.349.372</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên khác</i>	<i>110.080.012.623</i>	<i>93.343.327.727</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>1.556.822.837</i>	<i>44.264.021.645</i>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	<u>(25.909.687.022)</u>	<u>(26.285.720.597)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>85.727.148.438</u>	<u>111.321.628.775</u>
Dài hạn		
Ký quỹ cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.814.373.258	1.394.314.302
Ký quỹ cho bên khác	1.070.763.091	1.215.013.091
TỔNG CỘNG	<u>2.885.136.349</u>	<u>2.609.327.393</u>

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(26.285.720.597)	(4.261.316.500)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(22.559.769.339)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	376.033.575	1.416.365.243
Số cuối kỳ	<u>(25.909.687.022)</u>	<u>(25.404.720.596)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

11. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
Ban Quản lý Đường sắt đô thị Công ty TNHH Xây dựng Sân xuất Thương mại Tài Nguyên Công ty Cổ phần May Lê Trục Khác	42.458.156.539 26.847.167.193 20.167.507.716 529.845.572.791	(21.060.871.423) (26.847.167.193) (7.989.211.971) (256.606.543.736)	21.397.285.116 - 12.178.295.745 273.239.029.055	55.187.841.472 26.847.167.193 19.279.730.080 309.359.325.230	(13.722.740.692) (26.847.167.193) (8.055.736.283) (213.908.762.359)	41.465.100.780 - 11.223.993.797 95.450.562.871	
TỔNG CỘNG	619.318.404.239	(312.503.794.323)	306.814.609.916	410.674.063.975	(262.534.406.527)	148.139.657.448	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu xây dựng	341.334.471.594	-	250.028.289.508	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	736.721.403.336	-	597.942.672.700	-
Hàng hóa bất động sản	74.257.143.967	(1.325.454.681)	73.529.870.786	(1.325.454.681)
TỔNG CỘNG	<u>1.152.313.018.897</u>	<u>(1.325.454.681)</u>	<u>921.500.832.994</u>	<u>(1.325.454.681)</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	60.342.963.251	97.839.654.397
Khác	3.280.800.058	7.416.265.518
	<u>63.623.763.309</u>	<u>105.255.919.915</u>
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	126.389.530.174	85.390.367.309
Tiền thuê đất trả trước	60.205.653.651	-
Khác	18.394.125.238	14.605.685.090
	<u>204.989.309.063</u>	<u>99.996.052.399</u>
TỔNG CỘNG	<u>268.613.072.372</u>	<u>205.251.972.314</u>

321
 CÔNG
 CỔ P
 HÒA B
 H
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	39.790.252.840	8.146.844.083	1.216.005.358	49.153.102.281
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	1.446.566.265	216.375.435	1.662.941.700
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(5.260.817.147)	(852.782.250)	(6.113.599.397)
Hao mòn trong kỳ	-	(599.329.638)	(91.668.252)	(690.997.890)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	(5.860.146.785)	(944.450.502)	(6.804.597.287)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	39.790.252.840	2.886.026.936	363.223.108	43.039.502.884
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	39.790.252.840	2.286.697.298	271.554.856	42.348.504.994
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 22.1)	4.500.924.600	-	-	4.500.924.600

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trung tâm Sáng tạo Hòa Bình	16.497.247.058	16.445.864.899
Thiết bị đang lắp đặt	7.394.851.138	2.344.559.504
TỔNG CỘNG	23.892.098.196	18.790.424.403

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho bên khác	1.827.580.278.528	1.864.396.879.566
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	158.248.053.554	263.194.920.971
Khác	1.669.332.224.974	1.601.201.958.595
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	161.713.771.972	154.368.728.857
TỔNG CỘNG	1.989.294.050.500	2.018.765.608.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Bên khác trả tiền trước	1.773.902.543.780	2.237.535.138.297
Trong đó:		
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	170.000.000.000	170.000.000.000
Khác	1.603.902.543.780	2.067.535.138.297
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	51.774.181.348	34.367.032.190
	<u>1.825.676.725.128</u>	<u>2.271.902.170.487</u>
Dài hạn		
Bên khác trả tiền trước	191.352.727.274	98.848.554.585
TỔNG CỘNG	<u>2.017.029.452.402</u>	<u>2.370.750.725.072</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.375.564.821	102.794.110.008	(67.565.564.821)	77.604.110.008
Thuế giá trị gia tăng	30.941.214.588	100.860.039.787	(125.890.446.836)	5.910.807.539
Thuế thu nhập cá nhân	(493.934.813)	16.738.686.282	(13.229.818.732)	3.014.932.737
Khác	-	5.763.260	-	5.763.260
TỔNG CỘNG	<u>72.822.844.596</u>	<u>220.398.599.337</u>	<u>(206.685.830.389)</u>	<u>86.535.613.544</u>
Trong đó:				
Phải thu	493.934.813			-
Phải trả	73.316.779.409			86.535.613.544

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí xây dựng phải trả nhà thầu phụ	1.438.190.316.611	988.547.306.768
Chi phí lãi vay	13.249.978.814	10.629.854.401
Khác	17.348.898.835	19.284.335.872
TỔNG CỘNG	<u>1.468.789.194.260</u>	<u>1.018.461.497.041</u>
Trong đó:		
Bên khác	1.247.602.083.950	851.044.906.466
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	221.187.110.310	167.416.590.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ tức phải trả	96.045.646.065	600.061.065
Thưởng ban điều hành và cán bộ trọng yếu	8.786.649.670	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.464.636.743	1.239.502.397
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.260.629.463	1.247.714.410
Khác	15.655.730.487	665.931.452
TỔNG CỘNG	<u>123.213.292.428</u>	<u>3.753.209.324</u>

22. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	3.133.982.399.497	2.323.533.252.282
Vay bên khác (Thuyết minh số 22.2)	6.603.851.194	6.078.815.187
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	35.410.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	84.662.272.536	92.760.516.670
	<u>3.225.248.523.227</u>	<u>2.457.782.584.139</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	342.454.481.874	318.152.455.116
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 22.4 và 32)	84.500.000.000	100.000.000.000
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	84.662.272.536	92.760.516.670
Vay dài hạn	<u>342.292.209.338</u>	<u>325.391.938.446</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.567.540.732.565</u>	<u>2.783.174.522.585</u>

8. C
 Y
 AN
 KAY
 A B
 T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 4, 6, 8, 14 và 15)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	1.213.417.283.510	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 2 tháng 1 năm 2018	Lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	958.509.287.788	Từ ngày 22 tháng 8 năm 2017 đến ngày 12 tháng 12 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Tiền gửi thanh toán; quyền sử dụng đất; nhà cửa, vật kiến trúc; phải thu ngắn hạn của khách hàng; được bảo lãnh bởi các cá nhân
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	297.031.367.946	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 đến ngày 1 tháng 1 năm 2018	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	295.125.853.879	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2017 đến ngày 16 tháng 10 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	198.476.386.380	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2017 đến ngày 5 tháng 9 năm 2017	Lãi suất cơ bản cộng 2,0%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	84.688.413.208	Từ ngày 14 tháng 9 năm 2017 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	69.738.351.260	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2017 đến ngày 19 tháng 9 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1	16.995.455.526	Ngày 8 tháng 9 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
TỔNG CỘNG	3.133.982.399.497			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Người cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Cá nhân	4.958.925.481	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2017 đến ngày 23 tháng 6 năm 2018	7,0	Tín chấp
Nhân viên	<u>1.644.925.713</u>	Không xác định	7,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>6.603.851.194</u>			

22.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm bổ sung nguồn vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ công việc xây dựng. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 14)
-----------	--------------------------------------	--------------	----------	---

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 20/2015/101285/HĐTD và Phụ lục số PL03/20/2015/101285/ HĐTD	<u>183.171.806.008</u>	Ngày 3 tháng 7 năm 2017 đến ngày 3 tháng 6 năm 2020	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3,0%/năm	Máy móc, thiết bị
---	------------------------	--	--	----------------------

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	61.057.268.676
Vay dài hạn	122.114.537.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 14)
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1</i>				
Hợp đồng số 063/2017- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	55.901.448.949	Từ ngày 9 tháng 3 năm 2022 đến ngày 21 tháng 4 năm 2022	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 158/2016- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	28.420.995.800	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 đến ngày 1 tháng 11 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 138/2016- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	23.553.522.370	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 30 tháng 8 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 100/2016- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	10.470.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 đến ngày 22 tháng 7 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 144/2016- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	8.337.727.055	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 đến ngày 21 tháng 9 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 184/2016- HĐTDDA/NHCT902 -HBC	3.875.977.832	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 đến ngày 8 tháng 11 năm 2021	Lãi suất cơ bản cộng 3,0%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng số 26/2012 HĐTD- NDL	247.003.860	Ngày 25 tháng 7 năm 2017	Lãi suất cơ bản cộng 4,5%/năm	Máy móc thiết bị
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	17.277.003.860			
Vay dài hạn	113.529.672.006			
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Hợp đồng vay số 0044/ĐTDA/15CD	28.476.000.000	Từ ngày 23 tháng 9 năm 2017 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Máy móc thiết bị
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	6.328.000.000			
Vay dài hạn	22.148.000.000			
TỔNG CỘNG	342.454.481.874			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	84.662.272.536			
Vay dài hạn	257.792.209.338			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Vay dài hạn từ bên liên quan

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động dài hạn. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	<u>84.500.000.000</u>	Ngày 28 tháng 2 năm 2021	5,0	Tin chấp

23. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	2.062.509.471	-
Đã chi quỹ từ các kỳ trước	-	(1.465.389.414)
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40.463.184.816	14.280.151.287
Chi quỹ trong kỳ	(7.958.011.860)	(2.639.173.905)
Số cuối kỳ	<u>34.567.682.427</u>	<u>10.175.587.968</u>

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	110.409.450.347	87.128.894.688
Dự phòng trợ cấp thôi việc	21.950.154.168	19.596.970.836
TỔNG CỘNG	<u>132.359.604.515</u>	<u>106.725.865.524</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	755.598.370.000	106.043.322.981	94.548.441.157	183.273.668.778	1.139.463.802.916
Phát hành cổ phiếu mới	188.876.300.000	(75.549.210.000)	-	(113.327.090.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	140.842.508.814	140.842.508.814
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.280.151.287)	(14.280.151.287)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.164.000.000)	(1.164.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	944.474.670.000	30.494.112.981	94.548.441.157	195.344.936.305	1.264.862.160.443
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	954.464.570.000	30.494.112.981	94.548.441.157	548.334.495.431	1.627.841.619.569
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	409.518.979.446	409.518.979.446
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	334.043.000.000	-	-	(334.043.000.000)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(95.446.457.000)	(95.446.457.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(40.463.184.816)	(40.463.184.816)
Thường ban điều hành và cán bộ trọng yếu	-	-	-	(35.146.598.681)	(35.146.598.681)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(4.536.367.894)	(4.536.367.894)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.288.507.570.000	30.494.112.981	94.548.441.157	448.217.866.486	1.861.767.990.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 33.404.300 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Việc phát hành trên theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCĐ.HBC ngày 26 tháng 4 năm 2017, và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT.HBC ngày 8 tháng 5 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 954.464.570.000 VND lên 1.288.507.570.000 VND.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã đệ trình hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ cho Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để xin chấp nhận việc thay đổi vốn điều lệ.

(**) Trong kỳ, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 40.463.184.816 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Điều lệ của Công ty.

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	954.464.570.000	755.598.370.000
Tăng trong kỳ	334.043.000.000	188.876.300.000
Vốn góp cuối kỳ	<u>1.288.507.570.000</u>	<u>944.474.670.000</u>
Cổ tức		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	334.043.000.000	113.327.090.000
Cổ tức phải trả bằng tiền	(95.446.457.000)	-

25.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	128.850.757	95.446.457
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	128.850.757	95.446.457
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	128.850.757	95.446.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu gộp	6.871.378.617.185	4.058.674.668.308
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	6.637.957.500.935	3.900.828.300.199
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị</i>	233.421.116.250	150.438.296.363
<i>Doanh thu bán hàng hóa bất động sản</i>	-	7.408.071.746
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.506.606.803)	(20.187.625.943)
DOANH THU THUẦN	6.866.872.010.382	4.038.487.042.365
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)</i>	6.633.450.894.132	3.880.640.674.256
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị</i>	233.421.116.250	150.438.296.363
<i>Doanh thu bán hàng hóa bất động sản</i>	-	7.408.071.746

(*) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	4.702.288.350.521	3.385.030.352.575
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	1.931.162.543.611	495.610.321.681
TỔNG CỘNG	6.633.450.894.132	3.880.640.674.256
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối kỳ	13.040.647.429.187	7.520.412.443.360

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.045.738.427	46.614.691.249
Cổ tức được chia	417.596.714	36.710.000.000
Khác	7.684.431.931	890.424.425
TỔNG CỘNG	71.147.767.072	84.215.115.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.041.069.266.524	3.651.787.292.839
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	127.555.349.266	81.111.422.273
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	-	7.250.760.054
TỔNG CỘNG	<u>6.168.624.615.790</u>	<u>3.740.149.475.166</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	96.207.694.011	61.471.395.372
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(10.136.941.375)	17.563.738.398
Khác	823.940.493	1.182.294.612
TỔNG CỘNG	<u>86.894.693.129</u>	<u>80.217.428.382</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân viên	72.667.271.811	46.510.069.521
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	52.608.841.128	61.135.512.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.850.940.066	18.191.278.897
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.672.792.157	2.823.903.576
Khác	18.825.341.184	12.260.113.095
TỔNG CỘNG	<u>175.625.186.346</u>	<u>140.920.877.774</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Thu nhập khác	4.967.170.598	8.556.065.691
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.263.793.530	-
Thu tiền bồi thường từ bảo hiểm	2.000.000.000	-
Lãi chậm thanh toán	163.657.354	4.595.737.332
Khác	539.719.714	3.960.328.359
Chi phí khác	-	(3.100.544.732)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(1.639.190.361)
Khác	-	(1.461.354.371)
LỢI NHUẬN KHÁC	4.967.170.598	5.455.520.959

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.794.110.008	26.183.475.530
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(470.636.667)	(156.086.668)
TỔNG CỘNG	102.323.473.341	26.027.388.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	511.842.452.787	166.869.897.676
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	102.368.490.557	33.373.979.535
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	38.502.127	38.502.127
Thu nhập từ cổ tức	(83.519.343)	(7.342.000.000)
Khác	-	(43.092.800)
Chi phí thuế TNDN	102.323.473.341	26.027.388.862

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.390.030.834	3.919.394.167	470.636.667	156.086.668
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.390.030.834	3.919.394.167		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			470.636.667	156.086.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan được trình bày trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Thuê máy móc thiết bị	477.991.222.481	285.515.883.976
		Cho thuê máy móc thiết bị	233.421.116.250	150.438.296.363
		Chi phí thầu phụ	11.481.442.028	-
		Khác	5.744.990	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Cho vay	210.000.000.000	40.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	78.281.558.723	-
		Lãi cho vay	11.544.562.919	1.712.872.714
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	145.074.538.849	50.778.599.010
		Cho vay	11.600.000.000	5.126.190.108
		Phạt chậm thanh toán	675.098.854	-
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	237.544.000	-
		Thu nhập cổ tức	77.422.500	-
		Lãi cho vay	40.551.078	26.190.108
		Khác	378.776.802	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ và mua vật tư xây dựng	80.012.019.606	20.199.618.536
		Góp vốn	11.315.000.000	-
		Lãi cho vay	717.302.454	963.537.156
		Cho vay	-	12.326.546.226
		Khác	23.664.744	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	23.237.181.596	38.268.450.916
		Mượn tiền	5.000.000.000	-
		Cho vay	4.000.000.000	2.031.178.396
		Lãi cho vay	24.480.297	31.178.396
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	35.069.882.664
Khác	25.180.210	-		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	19.645.200.907	-
		Chi phí lãi vay	2.473.257.830	1.652.777.778
		Vay	-	100.000.000.000
		Mượn tiền	-	100.000.000.000
		Thu nhập cổ tức	-	36.710.000.000
Khác	6.593.740.000	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan được trình bày trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	8.186.200.000	4.558.950.000
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.315.907.726	-
		Phí tư vấn	500.000.000	-
		Thu nhập cổ tức	340.174.214	-
		Cho thuê văn phòng	179.115.967	-
		Khác	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Lãi cho vay	6.583.927.282	6.864.561.253
		Thuê văn phòng	6.021.126.292	4.544.132.629
		Đặt cọc thuê văn phòng	420.058.956	-
		Cho thuê văn phòng	36.363.636	-
		Chi phí dịch vụ	-	707.908.878
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.417.732.174	420.397.200
		Khác	2.287.805	52.404.339
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.343.557.968	-
		Lãi cho vay	249.093.314	176.475.470
		Mua vật tư xây dựng	-	3.504.067.528
		Cho vay	-	1.283.686.720
		Khác	3.430.086	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Công ty con	Góp vốn	-	454.897.000
		Khác	278.882.793	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Công ty liên kết	Phí tư vấn	254.545.455	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	40.313.496.959	26.284.379.609
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	5.124.938.903
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	976.221.000
			40.313.496.959	32.385.539.512
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	51.245.144.742	45.056.091.799
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	43.656.240.125	31.603.331.263
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	20.057.242.621	56.526.758.626
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	4.567.510.000	2.165.750.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.707.452.431	3.134.321.189
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	-	14.692.027.195
			121.233.589.919	153.178.280.072
<i>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</i>				
Công ty Cổ phần Tiến Phát Sanyo Homes	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	34.304.484.175	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	92.603.193.144
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	187.986.821
			34.304.484.175	92.791.179.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Cho vay	448.370.951.807	232.189.027.778
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	159.929.412.053	221.951.021.299
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	13.592.934.062	13.545.442.469
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Cho vay	4.245.757.723	4.285.544.177
			626.139.055.645	471.971.035.723
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ Cổ tức phải thu	822.527.000	-
			-	44.037.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Công ty con	Chi phí trả hộ	492.822.793	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hòa Bình Huế	Công ty con	Lãi cho vay	144.247.997	144.247.997
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí trả hộ	66.177.735	65.161.235
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	13.469.950	11.648.423
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	11.832.372	-
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Chi phí trả hộ	5.744.990	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	-	5.463.990
			1.556.822.837	44.264.021.645
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng	1.814.373.258	1.394.314.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Thuê máy móc	78.879.418.539	56.447.875.795
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	38.539.752.455	22.687.570.769
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	16.566.911.372	39.616.446.595
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	9.857.925.771	16.909.311.719
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	8.804.548.827	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Ta	Công ty con	Mua vật tư xây dựng	3.042.692.795	5.907.436.840
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.800.052.489	3.057.933.651
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.682.559.176	4.742.242.940
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.339.910.548	4.999.910.548
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Công ty liên kết	Phí tư vấn	200.000.000	-
			<u>161.713.771.972</u>	<u>154.368.728.857</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tiến Phát Sanyo Homes	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	49.175.771.451	60.300.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	2.195.766.397	4.501.575.212
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	402.643.500	1.023.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	28.782.156.978
			<u>51.774.181.348</u>	<u>34.367.032.190</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Jesco Hòa Bình	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	151.639.639.534	86.189.297.522
Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhóm kính Anh Việt	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	49.042.271.637	46.948.967.390
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí lãi vay	6.645.069.444	5.278.620.556
		Chi phí thầu phụ	2.595.976.293	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí thầu phụ	3.759.362.520	3.678.097.574
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.128.022.535	635.974.863
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.701.068.347	20.035.632.670
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.675.700.000	2.650.000.000
			221.187.110.310	167.416.590.575
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Công ty con	Thu hộ	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Công ty con	Mượn tiền	353.114.410	353.114.410
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Thu hộ	94.600.000	94.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Thu hộ	12.915.053	-
			1.260.629.463	1.247.714.410
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Vay	-	35.410.000.000
<i>Vay dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Vay	84.500.000.000	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	<u>15.198.608.410</u>	<u>8.359.767.659</u>

33. CÁC CAM KẾT

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	16.582.188.514	14.434.774.542
Từ 1 đến 5 năm	37.233.664.944	36.432.895.098
Trên 5 năm	4.394.551.871	8.758.914.311
TỔNG CỘNG	<u>58.210.405.329</u>	<u>59.626.583.951</u>

Các cam kết thực hiện công trình xây dựng

Công ty cam kết cung cấp các dịch vụ xây dựng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 trị giá 18.901.618.861.089 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.223.987.059.770 VND).

34. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	<u>2.625</u>	<u>15.293</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phạm Hữu Toàn
Người lập



Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng



Lê Viết Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017